TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-PT
Ngày: 16 - 02 - 2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh.**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Quốc Bảo;**

Bà **Nguyễn Thị Liên**.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà **Trần Thị Phương Thúy** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số **136**/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **22**/2023/QĐXX-PT ngày 23 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Nhung H**, sinh năm 1982.

Trú tại: Khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trương Thị Nhung H trình bày:

Ngày 20/11/2019, bà Nguyễn Thị D có mượn của bà số tiền 250.000.000 đồng, với lãi suất 10%/năm và hẹn hết tháng 01 năm 2020 sẽ trả cho bà. Bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà D trả số tiền trên, tuy nhiên bà D cứ hứa hẹn mãi vẫn không trả cho bà đồng nào. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị

D phải trả cho bà số tiền đã mượn 250.000.000 đồng và 53.950.000 đồng tiền lãi suất, tổng cộng 303.950.000 đồng.

Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày như sau:

Cuối năm 2015, bà có mượn của bà Trương Thị Nhung H số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5 triệu đồng/tháng. Đến tháng 01/2016 bà có mượn tiếp 50.000.000 đồng của bà H. Đến tháng 3/2016 bà có mượn tiếp 50.000.000đồng. Tổng cộng là 150.000.000 đồng. Đến hết năm 2016, bà đã trả cho bà H 180.000.000 đồng. Từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018, bà không có khả năng trả nữa, đến tháng 11/2018, bà có trả tiếp cho bà H 80.000.000 đồng. Năm 2019, bà H buộc bà viết giấy vay nợ bà H số tiền 250.000.000 đồng và sau khi viết giấy bà đã trả cho bà H tiếp tục 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà đã trả cho bà H 150.000.000 đồng tiền gốc và 540.000.000 đồng tiền lãi. Bà đã trả hết số tiền nợ cho bà Trương Thị Nhung H. Vì vậy, bà Trương Thị Nhung H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả số tiền 303.950.000 đồng bà không đồng ý.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số **136**/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 275; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nhung H về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* với bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Trương Thị N Huyền số tiền 303.950.000 đồng, trong đó nợ gốc số tiền 250.000.000 đồng và nợ lãi số tiền 53.950.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ khi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/10/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Nhung H không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị D không rút đơn kháng cáo mà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D thì thấy:

Theo Giấy viết mượn tiền ngày 20/11/2019, bà Trương Thị Nhung H có cho bà Nguyễn Thị D mượn số tiền 250.000.000 đồng, bà D công nhận nội dung chữ viết và chữ ký, họ tên dưới chữ ký là của chính bà Nguyễn Thị D viết ra, đây là chứng cứ xác định bà D có nợ của bà H số tiền 250.000.000đồng.

Bà D cho rằng bà có mượn tiền của bà Trương Thị N Huyền cụ thể: Cuối năm 2015, mượn của bà H số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5 triệu đồng/tháng. Đến tháng 01/2016 bà có mượn tiếp 50.000.000 đồng của bà H. Đến tháng 3/2016, mượn tiếp 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 150.000.000 đồng. Đến hết năm 2016, bà D đã trả cho bà H 180.000.000 triệu đồng. Từ tháng 01/2018 đến tháng 6 năm 2018, thì không có khả năng trả nữa, đến tháng 11/2018, thì bà D có trả tiếp cho bà H số tiền 80.000.000 đồng. Năm 2019, bà H buộc bà viết Giấy vay nợ bà H số tiền 250.000.000 đồng và sau khi viết Giấy bà đã trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng bà D đã trả cho bà H 150.000.000 đồng tiền gốc và 540.000.000 đồng tiền lãi. Bà D cho rằng đã trả hết số tiền nợ cho bà H, tuy nhiên bà không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh đã trả hết nợ cho bà H. Bà D cho rằng: Bà viết và ký vào Giấy mượn tiền là do bị bà H ép buộc, gây áp lực nên mới viết và ký vào nhưng bà D không có chứng cứ để chứng minh. Bà D là người đủ năng lực hành vi dân sự, nên mọi hành vi giao dịch bà D phải tự chịu trách nhiệm. Từ những chứng cứ phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định ngày 20/11/2019, bà Nguyễn Thị D có viết Giấy mượn tiền và ký xác nhận vào Giấy mượn số tiền 250.000.000 đồng của bà Trương Thị Nhung H. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền 250.000.000 đồng là có cơ sở.

Về yêu cầu tính lãi: Bà Trương Thị Nhung H yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả tiền lãi đối với số nợ gốc 250.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) từ ngày 01/02/2020 đến ngày 30/4/2022 là 26 tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H và bà D đều thừa nhận ngày 20/11/2019, bà Nguyễn Thị D có viết Giấy mượn tiền và ký xác nhận vào giấy mượn số tiền 250.000.000 đồng của bà Trương Thị Nhung H. Giấy mượn tiền không thể hiện về việc trả lãi, chỉ thể hiện việc trả tiền gốc là hết tháng giêng. Bà D cho rằng có trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ cho bà H và cũng đã trả xong tiền nợ gốc,

nhưng bà H không thừa nhận và bà D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Xét thấy, hợp đồng vay giữa các bên là trường hợp vay không có lãi và bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà H, do đó căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của bà H. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 250.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 26 tháng (từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2022) = 53.950.000 đồng, là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số **136**/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 275; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nhung H về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* với bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Trương Thị N Huyền số tiền 303.950.000 đồng (*Ba trăm không ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi 53.950.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền đến hạn còn phải thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.197.500 đồng (*Mười lăm triệu một trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Hoàn trả cho bà Trương Thị N Huyền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.875.000 đồng *(Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001093 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001606 ngày 13-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/02/2023).

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *TAND thị xã Điện Bàn;*
- *CCTHADS thị xã Điện Bàn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Thịnh